

Số: /BC-UBND

Krông Nô, ngày tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sản xuất nông nghiệp 7 tháng đầu năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ 5 tháng cuối năm 2023

A. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình thời tiết năm 2023

Sản xuất nông nghiệp năm 2023 diễn ra trong điều kiện thời tiết diễn biến cơ bản thuận lợi (không xảy ra hạn hán), mùa mưa đến sớm và đều đã góp phần tăng năng suất, sản lượng các loại cây trồng như hồ tiêu, cà phê, lúa nước,....

2. Công tác chỉ đạo, điều hành trong sản xuất nông nghiệp năm 2023

Để sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn huyện năm 2022 đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; từ đầu năm 2022, UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo các cơ quan chuyên môn huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức, triển khai thực hiện những ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, các Sở, ngành của tỉnh và của Huyện ủy, UBND huyện; những văn bản chỉ đạo điều hành trọng tâm, nổi bật như: Quyết định 3248/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh huyện Krông Nô năm 2023; Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 16/01/2023 về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng năm 2023; Kế hoạch số 60/KH-TCT ngày 21/02/2023 của Tổ công tác 1100 huyện thực hiện thí điểm đối với diện tích đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm do địa phương quản lý và diện tích đất Công ty lâm nghiệp giải thể bàn giao về địa phương tại xã Nam Đà; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 29/3/2023 thực hiện "Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn huyện Krông Nô; Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 09/5/2023 triển khai thực hiện các Đề án về lĩnh vực Lâm nghiệp của tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021- 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Krông Nô; Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 06/6/2023 thực hiện Đề án "Trồng một tỷ cây xanh" của Thủ tướng Chính phủ năm 2023 trên địa bàn huyện Krông Nô; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 02/02/2023 Phát triển bền vững Mắc ca giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050" trên địa bàn huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông; Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 07/02/2023 Kế hoạch thả cá giống tái tạo nguồn lợi và phòng, chống dịch bệnh thủy sản năm 2023; Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 09/02/2023 Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Krông Nô; Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 23/3/2023 Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa năm 2023; ... đồng thời ban hành các văn bản lập kế hoạch chủ động ứng phó với các diễn

biến bất thường của thời tiết, dịch bệnh với mục tiêu hạn chế thấp nhất những rủi ro, bất lợi, đảm bảo sản xuất năm 2023 diễn ra thuận lợi nhất.

B. KẾT QUẢ SX NÔNG LÂM NGHIỆP 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

- Tổng diện tích chăm sóc, sản xuất: 57.931,7ha/62.026 ha đạt 93,4%KH;
- Tổng sản lượng lương thực: 25.417 tấn/136.846 tấn đạt 18,6%KH
- Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới: 73%/73% đạt 100%KH.
- Tổng DT chủ động tưới: 20.051 ha
- Diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến (CNC): 1.561 ha.
- Đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Ngõ xã Đức Xuyên, xã phê UDCNC tại xã Năm Nung
- Về chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Chuyển đổi 300 ha cây trồng các loại
- Tổng đàn gia súc: 114.000con/160.000 con đạt 71%KH
- Tổng đàn gia cầm: 415.000 con/600.000 con đạt 69%KH
- DT nuôi trồng thủy sản: 340 ha/330 ha.
- Phát triển rừng: Đã thực hiện 785,4 ha/970 ha đạt 80,9% KH
- Tỷ lệ che phủ đạt 35,1%.
- Toàn huyện đạt 167 tiêu chí, bình quân mỗi xã đạt 15,18 tiêu chí/xã; Số tiêu chí đạt theo kế hoạch năm 2023 là 03/15 tiêu chí đạt 20%KH; Thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 1038/QĐ-UBND của UBND tỉnh đối với 3 xã (*Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô*) đạt 21 tiêu chí.
- Hiện nay, huyện có 10 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP.

(chi tiết tại phục lục đính kèm)

1. Trồng trọt

1.1. Kết quả sản xuất các loại cây trồng 7 tháng đầu năm 2023

- Toàn huyện đã gieo trồng, chăm sóc 57.931,7ha/62.026 ha cây trồng các loại, đạt 93,4%KH. Các hồ chứa, công trình thủy lợi trên địa bàn huyện đến thời điểm hiện nay vẫn đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão và cung cấp nguồn nước tưới cho các loại cây trồng. Trong đó:

+ Tổng diện tích sản xuất cây ngắn ngày vụ Đông Xuân là 4.296 ha/4.295ha, đạt 100%KH;

+ Vụ Hè thu 2023 toàn huyện đã gieo trồng, chăm sóc 53.635,7ha/53.777ha cây trồng các loại đạt 99,7%KH.

- Tổng sản lượng lương thực: 25.417 tấn/136.846 tấn đạt 18,6%KH
- Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới: 73%/73% đạt 100%KH.
- Tổng DT chủ động tưới: 20.051 ha

- Diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến (CNC): 1.561 ha¹
(chi tiết tại phụ lục đính kèm)

1.2. Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Thực hiện Chương trình số 44-CTr/HU ngày 22/11/2019 của Huyện ủy Krông Nô Thực hiện Chỉ thị số 43-CT/TU ngày 12/8/2019 của Tỉnh ủy Đắk Nông về triển khai Đề án quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035. Trong 7 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn huyện triển khai thực hiện sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

- *Vùng sản xuất lúa ứng dụng công nghệ cao xã Buôn Choah*: Tổng diện tích gieo trồng là 1.327 ha/2 vụ (Vụ Đông Xuân 2022-2023 sản xuất 677ha; Vụ Hè thu 2023, sản xuất 650 ha). Đến nay diện tích sản xuất lúa ST24 đạt 85% diện tích. Tiếp tục duy trì sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, khảo nghiệm sử dụng các chế phẩm sinh học thân thiện môi trường, an toàn với người sử dụng dần thay thế thuốc bảo vệ thực vật từng bước tiến tới sản xuất theo hướng hữu cơ sinh học; Quản lý dịch hại tổng hợp IPM trong phòng ngừa sâu bệnh, chăm sóc cây trồng; Sử dụng máy cày đất, máy gặt đập liên hợp nhằm tăng hiệu quả sản xuất, giảm hao hụt trong khâu thu hoạch; ghi nhật ký nông hộ đúng theo quy trình và hướng tới sản xuất hữu cơ.

Vụ Đông Xuân 2022-2023, do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết nên đã ảnh hưởng đến năng suất lúa trên địa bàn xã Buôn Choah, năng suất trung bình đạt 7,0 tấn/ha; thấp hơn 0,5 tấn/ha so với vụ Đông Xuân 2021-2022.

- *Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Ngô giống F1*: Đã phối hợp với Công ty TNHH hạt giống C.P VN, Công ty VINASEED, Công ty TNHH Sygenta Việt Nam sản xuất 468 ha (Vụ Đông Xuân 2022-2023, sản xuất 230 ha; Vụ Hè thu 2023, sản xuất 238 ha). Hiện nay, đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận vùng sản xuất ngô ứng dụng công nghệ cao tại xã Đức Xuyên.

Vụ Đông Xuân 2022-2023: Ngô F1 đạt năng suất trung bình đạt 9 tấn; tổng sản lượng đạt 2.070 tấn; giá thu mua trung bình của các công ty là 13.500 đồng/kg. Sự liên kết của 03 Công ty đã tăng tính cạnh tranh, nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất, đa dạng sản phẩm

- *Vùng sản xuất cà phê ứng dụng CNC xã Năm Nung*: Hiện nay đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận vùng sản xuất cà phê UDCNC tại xã Năm Nung; Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn RA, 4C, UTZ đạt 340ha. Đã hình thành liên kết sản xuất cà phê bền vững Năm Nung với 150 thành viên tham gia liên kết HTX phát triển nông nghiệp công bằng Thanh Thái.

1.3. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp

Thực hiện Chương trình số 43-CTr/HU ngày 22/11/2019 của Huyện ủy Krông Nô Thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TU ngày 12/8/2019 của Tỉnh ủy Đắk

¹ Lúa 640 ha; cà phê 537 ha; Hồ tiêu 27 ha; Cây ăn quả 74 ha; hoa 2 ha; khoai lang 50 ha; Ngô F1: 230 ha.

Nông về triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Trong 7 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn huyện đã chuyển đổi 300 ha cây trồng các loại. Cụ thể:

+ Vụ Đông Xuân 2022-2023 chuyển đổi 214ha (Chuyển đổi diện tích đất sản xuất lúa nước 1 vụ sang sản xuất cây ngắn ngày khác là 60ha; Chuyển đổi từ cây khoai lang, bí đỏ sang cây ngô 154 ha);

+ Vụ Hè thu: chuyển đổi 84 ha (chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng ngô 40 ha; chuyển đổi từ đất trồng cây hàng năm sang cây cà phê 46 ha)

- Thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn hướng dẫn, tuyên truyền nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu nhằm tăng hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích.

1.3. Tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng

Trong 7 tháng năm 2023, trên địa bàn huyện xuất hiện một số loại sâu bệnh chính như bọ trĩ, bệnh đạo ôn trên cây lúa; sâu đục nõn trên cây ngô; bệnh rỉ sắt, rệp sáp gốc, rầy rệp các loại, mọt đục cành, sâu đục thân,... gây hại rải rác trên cây cà phê; bệnh thán thư, bệnh do nấm, tuyến trùng, bọ chích hút (rầy, rệp các loại),... gây hại rải rác trên cây hồ tiêu; bệnh thán thư, bọ xít muỗi chích hút trên cây điều; bệnh phấn trắng, thối đen đầu lá trên cây cao su.. Phòng đã phối hợp với Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật Nông nghiệp kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn phòng trừ các loại sâu bệnh trên, đảm bảo năng suất, sản lượng các loại cây trồng.

2. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) – Kinh tế tập thể

- Thành lập mới 03 Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp gồm: HTX Sản xuất thương mại cà phê chất lượng cao Đắk Tâm; HTX Khang Thọ Quảng Phú; HTX Nông nghiệp cà phê Thái Trang Krông Nô. Nâng tổng số HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp lên 30 HTX nông trong đó 14 HTX hoạt động tốt, 6 HTX ngưng hoạt động đề nghị giải thể bắt buộc, 10 HTX hoạt động khá và trung bình.

- Tham mưu UBND huyện ban hành Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 02/3/2023 về việc thực hiện chương trình chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2023 trên địa bàn huyện Krông Nô; thực hiện Đề án chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP năm 2023 đã tổ chức rà soát có 08 sản phẩm tiềm năng trên địa bàn huyện đủ điều kiện hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ các chủ thể lập hồ sơ tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, đến nay đã xin chủ trương và đang triển khai thực hiện.

- Đến nay, trên địa bàn huyện có 10 sản phẩm OCOP với 04 sản phẩm 4 sao và 06 sản phẩm 3 sao, cụ thể:

+ Sản phẩm OCOP đạt 4 sao gồm: (1) Cam sành hữu cơ, (2) Quýt ngọt hữu cơ của HTX SX nông, lâm nghiệp hữu cơ Quảng Phú; (3) Gạo ST 24 Krông Nô

của HTX sản xuất lúa gạo Buôn Choah; (4) Bơ Núi lửa của HTX Nông nghiệp dịch vụ Bơ Núi lửa Krông Nô.

+ Sản phẩm OCOP đạt 3 sao gồm: (1) Chocolate Duy Nghĩa, (2) bột ca cao Duy Nghĩa của HTX NN Krông Nô; (3) Cà phê bột TIN TRUE COFFEE của HTX Tin True Coffee; (4) Cà phê bột rang xay, (5) cà phê phin giấy của HTX PTNN Công Bằng Thanh Thái; (6) Gạo ST 24 của HTX Nông nghiệp Buôn Choah.

+ Đối với các sản phẩm đã được chứng nhận, tiếp tục duy trì và mở rộng diện tích đã được chứng nhận sản xuất nông nghiệp tốt, tích cực tham gia các hội chợ, hội nghị, hội thảo kết nối cung cầu ... để giới thiệu, quảng bá sản phẩm; Tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử như: OCOP, VOSO, POSTMART... thị trường được mở rộng, giá cả tăng cao và ổn định hơn so với trước khi chứng nhận, đã góp phần mang lại hiệu quả kinh tế cao cho các chủ thể tham gia.

3. Chăn nuôi

- Tổng đàn gia súc 114.000con²/160.000 con đạt 71%KH; Tổng đàn gia cầm 415.000 con/600.000 con đạt 69%KH; DT nuôi trồng thủy sản: 340 ha/330 ha; Số lồng nuôi cá đạt 180/180 lồng

- Chăn nuôi của huyện đã phát triển đúng định hướng lãnh đạo và chỉ đạo của UBND huyện; theo đó, 2/3 tổng đàn gia súc và 1/2 tổng đàn gia cầm nuôi theo quy mô trang trại. Tổng hiện có 88 trang trại chăn nuôi gồm(3 trang trại chăn nuôi quy mô lớn, 10 trang trại quy mô vừa, 75 trang trại quy mô nhỏ)

- Dịch bệnh trên gia súc, gia cầm:

+ Trong 7 tháng đầu năm 2023, không phát hiện các trường hợp gia súc, gia cầm mắc bệnh nguy hiểm như lở mồm long móng gia súc, Cúm gia cầm, Tai xanh trên lợn, Viêm da nổi cục trâu, bò và bệnh Đại;

+ Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: Trong 7 tháng đầu năm 2023, tái phát 01 ổ bệnh tại thôn Sơn Hà, xã Nam Xuân; phải tiêu hủy bắt buộc 13con/234 kg.

- Công tác tiêm phòng vắc xin

+ Viêm da nổi cục trâu bò: Luỹ kế số lượng vắc xin đã tiêm 4.218/4.300 liều/12 xã, thị trấn đạt 98,1% số Vắc xin được phân bổ; đạt hơn 80% số trâu bò trong diện phải tiêm phòng, đảm bảo yêu cầu tỷ lệ bảo hộ vắc xin phòng, chống dịch bệnh theo quy định.

- Đại chó mèo: Luỹ kế số lượng vắc xin đã tiêm 8.851/9.500 liều/12 xã, thị trấn đạt 93% số Vắc xin được phân bổ; đạt hơn 70% số Chó mèo phải tiêm phòng Vac xin, hoàn thành mục tiêu Kế hoạch đề ra

4. Lâm nghiệp

² Trâu 325 con/380 con đạt 86%KH; Bò 6.655/8.820 con đạt 75%KH; Dê 12.320 con/15.400 con đạt 80%KH; Heo 94.700/135.400 con đạt 70%KH

4.1. Công tác quản lý, bảo vệ

- Diện tích phá rừng: Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn huyện xảy ra 01 vụ phá rừng thuộc lâm phần do UBND xã Quảng Phú quản lý, diện tích rừng bị phá là 0,04 ha; so với cùng kỳ năm 2022 (01 vụ/0,244 ha) thì số vụ phá rừng không tăng, diện tích rừng bị phá giảm 0,204 ha. Việc giải quyết, xử lý các vi phạm về phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép chặt chẽ, có trách nhiệm. Nhận thức về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của đông đảo nhân dân ngày càng tích cực nên có sự đồng tình ủng hộ của nhân dân đối với các lực lượng quản lý bảo vệ rừng trong quá trình thực thi nhiệm vụ; do đó, về cơ bản tình trạng phá rừng trong năm 2023 được kiểm soát, diện tích các vụ phá rừng được phát hiện, ngăn chặn và xử lý

- Diện tích cháy rừng: Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn huyện xảy ra 02 vụ cháy rừng: 01 vụ cháy rừng tự nhiên tại khoảnh 1, tiểu khu 1307 do Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý, thuộc địa giới hành chính xã Đức Xuyên; khu vực bị cháy 1,5 ha, chủ yếu là cháy thảm thực bì, cỏ, cây bụi dưới tán rừng và được không chế, dập lửa kịp thời nên không gây thiệt hại về rừng; 01 vụ cháy rừng trồng Keo lai trồng năm 2016 tại khoảnh 2, 5, tiểu khu 1275 do Công ty TNHH Bảo Lâm quản lý thuộc địa giới hành chính xã Tân Thành; khu vực cháy 6,9 ha, chủ yếu là cháy dưới tán rừng.

4.2. Công tác trồng cây phân tán và phát triển rừng năm 2023

- Phát triển rừng: Đã thực hiện 785,4 ha/970 ha đạt 80,9% KH; gồm:

+ Trồng rừng tập trung 92,4ha/150 ha, đạt 61,6% KH³.

+ Khoanh nuôi tái sinh: 690ha/690 ha, đạt 100% KH.

+ Nông lâm kết hợp 3,0 ha/130ha, đạt 2,3% KH (Xã Năm N'Đir)

- Trồng cây phân tán: Trong 07 tháng đầu năm trên địa bàn huyện đã thực hiện trồng được 5.901 cây xanh các loại

- Thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ che phủ: Chỉ tiêu tỷ lệ che phủ năm 2023 trên địa bàn huyện là 36,5%. Ước thực hiện năm 2023 là 35,1% (bao gồm cả diện tích cây Cao su và Điều ngoài quy hoạch ba loại rừng).

5. Nông thôn mới

- Trong 7 tháng đầu năm 2023, đã ban hành văn bản lãnh đạo, triển khai thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới như: Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 02/3/2023 về việc triển khai thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023 trên địa bàn huyện Krông Nô; Phê duyệt 10 kế hoạch thực hiện chương trình Nông thôn mới năm 2023 của các xã; tập trung chỉ đạo, hướng dẫn xã Năm Nung hoàn thiện hồ sơ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022, đến nay UBND tỉnh đã về thẩm định trực xã Năm Nung và

³ Năm N'Đir: 2,7ha; Đức Xuyên 14,25ha; Quảng Phú 5,49 ha; Công ty TNHH Bảo Lâm 70ha (Tân Thành 45ha; Quảng Phú 20ha; Đức Xuyên 5ha)

đang chờ Hội đồng thẩm định của tỉnh bỏ phiếu xét công nhận; chỉ đạo 02 xã Nam N’Đir, Nam Xuân dự kiến về đích nông thôn mới năm 2023 tổ chức rà soát đánh giá bộ tiêu chí, đề xuất các khó khăn vướng mắc đề tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. Chỉ đạo 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới rà soát đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí hiện hành.

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu xây dựng NTM năm 2023

+ Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới theo Quyết định số 1037/QĐ-UBND của UBND tỉnh toàn huyện đạt: 167 tiêu chí, bình quân mỗi xã đạt 15,18 tiêu chí/xã; Số tiêu chí đạt theo kế hoạch năm 2023 là 3/15 tiêu chí đạt 20% KH.

+ Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 1038/QĐ-UBND của UBND tỉnh đối với 3 xã (*Nam Đà, Đăk Sôr, Đăk Drô*) đạt 21 tiêu chí. trong đó: Xã Đăk Sôr đạt 04/19 tiêu chí, Xã Nam Đà đạt 11/19 tiêu chí, Xã Đăk Drô đạt 06/19 tiêu chí; số tiêu chí đạt theo kế hoạch 2023 là 2/5 tiêu chí đạt 40% KH%.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi và những kết quả tích cực

- Công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất được triển khai, nhân rộng và được người dân hưởng ứng; Năng suất, chất lượng một số lợi cây trồng chủ lực của huyện đang tăng dần.

- Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật được UBND huyện quan tâm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với UBND các xã, thị trấn tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng mô hình trình diễn, vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu giống, nhất là giống có năng suất, chất lượng cao đưa vào sản xuất, đa số cây trồng sử dụng giống mới có năng suất chất lượng nhằm giúp cho người nông dân nâng cao nhận thức và hiệu quả trong sản xuất.

- Về thời vụ đã triển khai hướng dẫn gieo cấy sớm để đảm bảo đúng thời vụ, tận dụng nguồn nước đầu vụ và tránh hạn cuối vụ trên các chân ruộng có khả năng ngập cuối vụ.

- Cơ cấu giống lúa, ngô được bổ sung đa dạng, giống lúa xác nhận, lúa lai, ngô lai năng suất cao, ổn định và phù hợp với điều kiện sinh thái là những giống được sử dụng phổ biến trong sản xuất. Giống cây trồng ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng, nâng cao hiệu quả kinh tế.

2. Khó khăn

2.1. Trồng trọt

Do ảnh hưởng của thời tiết nên trong 7 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn huyện một số cây trồng chủ lực bị ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng như: Lúa nước Đông Xuân; cây Điều; cây sầu riêng,... dẫn đến ảnh hưởng đến giá trị sản xuất 1 ha canh tác.

- Việc thực hiện các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh giống

cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng trên địa bàn huyện chưa cao. Gây khó khăn cho công tác quản lý giống cây trồng của các cơ quan chức năng, cũng như rủi ro mua phải giống cây trồng kém chất lượng của người nông dân là rất cao. Ngoài ra, một số cơ sở kinh doanh theo mùa vụ lấy “bảng hiệu giống cây Eakmat” làm ảnh hưởng tới những cơ sở kinh doanh chính đáng, không đảm bảo nguồn gốc giống theo quy định. Nguyên nhân chính là do tự phát theo nhu cầu của thị trường; người sản xuất, kinh doanh chưa nắm bắt hết các quy định về lĩnh vực kinh doanh giống cây trồng.

- Hiện nay UBND tỉnh đã bãi bỏ Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chí đánh giá và trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Quyết định số 1830/QĐ-UBND ngày 22/11/2022). Nên khó khăn trong quá trình đánh giá các tiêu chí vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vì trong Quyết định số 66/2015/QĐTTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực NNUDCNC còn nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ đối với các mặt hàng nông sản sản xuất theo tiêu chuẩn NNUDCNC còn chưa bền vững, giá cả thiếu ổn định và nhất là chưa có sự phân biệt rõ rệt về hiệu quả kinh tế của phương thức sản xuất truyền thống với phương thức sản xuất NNUDCNC nên chưa thật sự thu hút được các doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, nhân rộng;

- Đất đai manh mún, nhỏ lẻ: Diện tích đất của các hộ dân hiện nay nhỏ lẻ, là lực cản lớn đối với ứng dụng công nghệ cao;

- Thị trường tiêu thụ bấp bênh: Vùng sản xuất lúa UDCNC Buôn Choah đã có liên kết sản xuất (HTX sản xuất lúa gạo Buôn Choah; HTX Nông nghiệp Buôn Choah). Tuy nhiên liên kết này còn yếu, mới ở phạm vi, quy mô nhỏ vì sản phẩm tiêu thụ tại địa phương khoảng 1/4 sản lượng, còn lại được các thương lái vận chuyển, chế biến và tiêu thụ ở trong và ngoài tỉnh;

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ, đặc biệt là thủy lợi, giao thông nội đồng, điện phục vụ sản xuất. Trong khi hệ thống các cơ sở chế biến nông sản vẫn còn chưa tương xứng với tiềm năng.

- Một số người dân vẫn còn tư tưởng cá nhân, mạnh ai người ấy làm, thiếu liên kết. Ngại tham gia các hình thức tổ chức sản xuất, tâm lý tự do gây khó khăn trong việc triển khai liên kết sản xuất; các Hợp tác xã, Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp nói chung có quy mô nhỏ, trình độ sản xuất và quản lý còn nhiều hạn chế; chi phí đầu tư 1ha sản xuất theo VietGAP và tương đương tương đối lớn; Giá cả thị trường nông sản không ổn định; Tỉnh chưa có cơ chế chính sách cụ thể để hỗ trợ thực hiện Đề án tái cơ cấu nên khó khăn trong quá trình thực hiện;

- Các chủ thể tham gia OCOF vẫn còn hạn chế về nhiều mặt như: quy mô sản xuất, trình độ sản xuất, công nghệ, trình độ quản lý, nguồn vốn; chính quyền địa phương và các hộ, các tổ chức sản xuất chưa chủ động tham gia và hoàn tất hồ sơ, còn ỷ lại vào các cơ quan chuyên môn ... Tỉnh chưa có cơ chế chính sách về nguồn lực cụ thể để hỗ trợ thực hiện Chương trình.

2.2. Lâm nghiệp

- Về cơ sở pháp lý: Theo Luật Lâm nghiệp thì UBND cấp xã không phải là đơn vị chủ rừng; tuy nhiên, do việc giải thể các Công ty Lâm nghiệp giải thể và bàn giao diện tích rừng và đất lâm nghiệp về địa phương quản lý nên UBND cấp xã vừa thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước theo quy định, vừa thực hiện trách nhiệm như một đơn vị chủ rừng thực thụ; trong khi đó UBND cấp xã không có bộ phận chuyên môn về lĩnh vực lâm nghiệp nên việc tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động lâm sinh như quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng rất khó khăn

- Về cơ chế: Muốn bảo vệ và phát triển rừng thì diện tích rừng, đất quy hoạch phát triển rừng phải được giao, cho thuê cho các ban quản lý rừng, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, trong thời gian qua việc thực hiện vẫn còn một số hạn chế nhất định như: chưa thực hiện được công tác giao, cho thuê đất quy hoạch phát triển rừng cho cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân để phát triển rừng; chưa có sự đồng bộ, thống nhất giữa ngành Lâm nghiệp với ngành tài nguyên và Môi trường trong việc thực hiện công tác giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp (*hạn mức giao rừng, ...*).

- Việc triển khai thực hiện các chính sách của Nhà nước trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: Đối với ngành Lâm nghiệp, hiện nay đang triển khai thực hiện 02 Chương trình lớn là: Tiêu dự án 1, Dự án 3 Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 – 2025; tuy nhiên việc triển khai thực hiện vẫn còn một số vướng mắc do quy định về đối tượng, các điều kiện để được nhận hỗ trợ.

2.3. Hợp tác xã

- Nhu cầu hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể là rất lớn trong khi nguồn lực của huyện còn nhiều hạn chế, không đáp ứng được nhu cầu. Quỹ đất công để hỗ trợ các THT, HTX đầu tư trụ sở làm việc, nhà xưởng, kho bãi ... hiện rất khó khăn.

- Quy mô của các THT, HTX trên địa bàn huyện còn nhỏ, hạn chế về năng lực tài chính, năng lực quản trị điều hành, chủ yếu tập trung vào khâu sản xuất tạo ra sản phẩm mà chưa quan tâm nhiều đến xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

- Sản xuất nông nghiệp luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thiên tai dịch bệnh, giá các vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp tăng cao, đầu tư ứng dụng công nghệ cao đòi hỏi nguồn vốn lớn, tiếp cận nguồn vốn vay từ ngân hàng khó khăn

đã làm cho các THT, HTX không có nguồn vốn và nếu có thì chưa mạnh dạn đầu tư phát triển.

2.4. Nông thôn mới

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về lĩnh vực nông thôn mới ở một số xã chưa sâu sát, các bộ phận chuyên môn ở xã chưa có tinh thần trách nhiệm đối với tiêu chí mình phụ trách; cán bộ phụ trách lĩnh vực nông thôn mới ở cấp xã thay đổi thường xuyên làm ảnh hưởng đến qua trình tham mưu, tổng hợp, theo dõi về công tác xây dựng NTM.

- Tiến độ triển khai chương trình còn chậm, công tác giải ngân vốn chưa đạt kế hoạch đề ra, 7 tháng đầu năm chủ yếu là giải ngân nguồn vốn chuyển tiếp năm 2022; đối với nguồn vốn năm 2023 các đơn vị mới thực hiện ở bước lập hồ sơ dự án công trình.

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 Ban hành Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Hiện nay UBND tỉnh chưa ban hành hướng dẫn cụ thể nên khó khăn trong việc áp dụng triển khai thực hiện cơ chế lồng ghép các nguồn vốn.

- Theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; trong đó, có quy định ngân sách địa phương bố trí đối ứng theo tỷ lệ 1:1; do đó huyện và xã gặp nhiều khó khăn trong việc bố trí kinh phí đối ứng thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới vì hiện nay một số xã chưa khai thác được quỹ đất để thực hiện bán đấu giá đất có nguồn vốn đối ứng theo tỷ lệ.

- Đối với việc thực hiện 6 chương trình chuyên đề trong xây dựng nông thôn mới hiện nay mới triển khai được 1 chương trình chuyên đề về chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025, các chương trình còn lại chưa triển khai.

- Một số đơn vị chưa chủ động tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chí mềm đăng ký thực hiện trong năm 2023 như Tiêu chí Y tế, Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm ...do đó 6 tháng đầu năm 2023 chưa đạt kết quả.

- Đối với tiêu chí Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn chỉ tiêu thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được cấp giấy chứng nhận VietGAP hoặc tương đương đòi hỏi phải có kinh phí thực hiện và được sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nên gặp nhiều khó khăn trong việc cấp giấy chứng nhận VietGAP.

- Đối tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm hiện nay các đơn vị triển khai còn nhiều lúng túng trong việc lập hồ sơ minh chứng, một số chỉ tiêu quy định chưa phù hợp đối với địa bàn nông thôn như chỉ tiêu phân loại chất thải rắn tại nguồn vì trên địa bàn huyện mới triển khai thu gom rác thải tập trung.

- Đối với tiêu chí thông tin và truyền thông chỉ tiêu xã có điểm phục vụ bưu chính không còn phù hợp với xu hướng phát triển. Vì hiện nay hầu hết người dân đã sử dụng điện thoại thông minh đăng ký mạng 3G, 4G, lắp kết nối Wi-fi có thể tiếp cận các thông tin qua điện thoại thông minh, đối với bưu kiện hàng hoá, thư, báo đã có nhân viên bưu điện huyện và các dịch vụ chuyển phát nhanh giao hàng đến tận nhà.

2.5 Chương trình OCOP

- Chương trình OCOP: Quy mô sản xuất nhỏ lẻ, năng lực sản xuất, tài chính, quản trị điều hành rất hạn chế nên không có khả năng thực hiện. Các chủ thể mới chỉ quan tâm những lợi ích trước mắt, hỗ trợ đầu tư trực tiếp bằng tiền mặt mà chưa nhìn thấy được lợi ích lâu dài, lợi ích gián tiếp. Do, các cấp các cấp chính quyền, đặc biệt cấp xã, thị trấn vào cuộc chưa quyết liệt, còn nhiều hạn chế trong công tác tuyên truyền, vận động.

D. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 5 THÁNG CUỐI NĂM 2023

1. Trồng trọt

- Tập trung triển khai 02 Đề án trọng điểm của ngành nông nghiệp là Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và vùng nông nghiệp công nghệ cao (Quyết định số 1390 và 1391/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh; Chỉ thị số 42 và 43-CT/TU ngày 12/8/2019 của Tỉnh ủy; Chương trình 43 và 44-CTr/HU ngày 22/11/2019 của Huyện ủy Krông Nô) và chương trình OCOP.

- Khuyến cáo các bộ giống thích hợp có năng suất, chất lượng cao và phù hợp với điều kiện tự nhiên để người dân đưa vào sản xuất; Tuyên truyền hướng dẫn người sản xuất chuyển đổi cơ cấu cây trồng, khuyến khích nông dân sử dụng các loại giống mới ngắn ngày, năng suất, chất lượng cao, khả năng phòng bệnh tốt.

- Tổ chức cơ cấu lại lĩnh vực trồng trọt, gắn với xây dựng các vùng nông nghiệp Công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất an toàn, phù hợp với nhu cầu thị trường; sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo nhu cầu của thị trường, bảo đảm môi trường sinh thái.

- Đánh giá tình hình sản xuất nông nghiệp năm 2023 và xây dựng kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2024.

2. Chăn nuôi

- Tăng cường chỉ đạo, tuyên truyền, hướng dẫn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho chủ trang trại, người dân gây đàn, tái đàn phát triển chăn nuôi. Khai thác triệt để diện tích ao hồ để đưa vào nuôi thâm canh các loài thủy sản và tăng cường nuôi lồng bè đảm bảo đạt chỉ tiêu giá trị thủy sản đã đề ra trong năm.

- Thực hiện chặt chẽ công tác kiểm soát, giám sát, phòng chống không để dịch bệnh gia súc, gia cầm phát sinh và lây lan trong mùa mưa. Chú trọng nhất bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò và bệnh Dịch tả lợn Châu phi, Cúm gia cầm, Lở mồm long móng gia súc và bệnh Đại ở chó mèo.

- Thực hiện kiểm tra, hậu kiểm an toàn thực phẩm nông nghiệp năm 2023 theo kế hoạch đã đề ra.

3. Lâm nghiệp

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 09/5/2023 triển khai thực hiện các Đề án về lĩnh vực Lâm nghiệp của tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021- 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Krông Nô; trong đó tập trung vào nhiệm vụ rà soát, cấp nhật diễn biến rừng nhằm nâng cao tỷ lệ che phủ theo chỉ tiêu của UBND tỉnh, UBND huyện giao năm 2023 (*UBND tỉnh giao 30,63%; UBND huyện giao 36,5%*);

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 13/6/2023 Thực hiện thí điểm mô hình trồng và bảo tồn nguồn giống cây Sâm cau dưới tán rừng trên địa bàn huyện Krông Nô, giai đoạn 2023 – 2025;

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn rà soát, thống kê diện tích trồng rừng tập trung, nông lâm kết hợp, trồng cây phân tán năm 2023; Kế hoạch giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện

4. Nông thôn mới

- Tập trung triển khai thực hiện Chương trình và Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Tổ chức kiểm tra tình hình triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm tại một số xã trên địa bàn huyện.

- Báo cáo tình hình thực hiện xây dựng NTM 9 tháng đầu năm 2023. Tập trung hướng dẫn, chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ minh chứng phục vụ công tác thẩm định đạt chuẩn nông thôn mới.

- Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn năm 2022, 2023 trên địa bàn huyện.

- Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch của các xã trong thực hiện xây dựng nông thôn mới. Tổ chức kiểm tra, thẩm tra hồ sơ minh chứng đối với các xã đề nghị đạt chuẩn năm 2023

5. Chương trình Kinh tế tập thể - OCOP

Tiếp tục triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2023; tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP lập hồ sơ các sản phẩm đạt OCOP 4 sao đề nghị hội đồng đánh giá cấp tỉnh đánh giá, công nhận; Phối hợp với chi cục phát triển kinh tế tập thể hướng dẫn các HTX lập hồ sơ công nhận lại, nâng hạng sản phẩm OCOP.

- Huy động mọi nguồn lực hỗ trợ phát triển HTX, đặc biệt lĩnh vực HTX nông nghiệp. Tìm kiếm, kêu gọi các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế khác

đầu tư giúp các HTX phát triển.

E. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Lâm nghiệp

- Do tính đặc thù của địa phương, đề nghị mở rộng đối tượng được thụ hưởng các chính sách đối với UBND các xã đang thực hiện các nhiệm vụ như chủ rừng (các xã vùng II, III được hỗ trợ bảo vệ rừng đối với cấp xã);

- Mở rộng đối tượng được thụ hưởng các chính sách đối với hộ gia đình người kinh không thuộc diện hộ nghèo (thuộc các xã vùng II, III) đã được giao rừng, nhận khoán rừng để quản lý, bảo vệ.

- Bổ sung hoạt động khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên (*không trồng bổ sung*) vào hoạt động lâm sinh trong Tiểu dự án 1;

- Phối hợp với Sở tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh có cơ chế về hạn mức giao rừng (*mỗi hộ không quá 30 ha rừng để quản lý, bảo vệ và không bị hạn chế bởi định mức giao đất*); cơ chế, chính sách giao, cho thuê đất quy hoạch phát triển rừng (*báo gồm cả diện tích khoanh nuôi tái sinh-diện tích chủ đủ tiêu chí thành rừng*) cho cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân để thực hiện công tác phát triển rừng và cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân được thụ hưởng các chính sách của Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng.

2. Nông thôn mới

- Đề nghị xem xét giảm tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương để phù hợp từng địa phương đặc biệt là đối với những địa phương khai thác nguồn thu khó.

- Đề nghị sửa đổi bổ sung điều chỉnh điểm d điều 3 Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND cho phù hợp với các quy định của Trung ương

- Đối với Bộ tiêu chí chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đề nghị Trung ương xem xét quy định cho phù hợp đối với vùng tây nguyên như tiêu chí số 13, tiêu chí số 17.

- Đề nghị UBND tỉnh xem xét hằng năm cân đối hỗ trợ địa phương nguồn ngân sách đối ứng vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp; - Đề nghị có quy định chung về cơ chế lồng ghép giữa các chương trình để tránh chồng chéo, khó khăn trong việc triển khai thực hiện.

3. Bảo hiểm nông nghiệp

- Đề nghị có quy định, hướng dẫn cụ thể về giá bảo hiểm và giá trị chi trả bảo hiểm nếu xảy ra thiên tai; đề nghị bổ sung **hạn hán** vào danh mục được hỗ trợ.

4. Phòng Chống thiên tai và TKCN

- Đề nghị UBND tỉnh bố trí kinh phí triển khai Nghị quyết 07/2019/NQ-HĐND, Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 của UBND tỉnh về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên

tiên, tưới tiết kiệm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; đây là giải pháp rất tốt nhằm khắc phục tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra; (Đây là chính sách hỗ trợ rất tốt cho công tác phòng chống hạn cho cây công nghiệp dài ngày)

- Đề nghị UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và các ngành chức năng của tỉnh tiếp tục đầu tư thực hiện các Dự án công trình thủy lợi trong dự án quy hoạch thủy lợi vùng trọng điểm sản xuất lương thực huyện Krông Nô, đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 1078/QĐ-UBND ngày 17/5/2015; Bố trí nguồn kinh phí nâng cấp các công trình thủy lợi nội đồng đã bị hư hỏng và xuống cấp để sớm hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho các vùng Nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn;

- Đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí cho huyện mua sắm các tranh thiết bị phòng chống thiên tai, hiện các phương tiện (xuồng cứu máy đã cũ xuống cấp) vừa thiếu vừa không đảm bảo như Phương tiện cứu hộ, phương tiện thông tin liên lạc, phương tiện giám sát phân tích các tình huống thiên tai, phương tiện phục vụ báo đảm hiện trường...;

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông, khẩn trương tiếp nhận các công trình nước sạch đã được UBND tỉnh cho phép quản lý khai thác để phục vụ nhu cầu nước sinh hoạt của nhân dân;

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Ban quản lý Dự án các công trình nông nghiệp PTNT của tỉnh đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thiện bàn giao công trình kè sông chống sạt lở tại trạm bơm số 1 cánh đồng Đắk Rền xã Năm N'Đir và trạm bơm số 5 xã Buôn choah để đưa vào hoạt động;

Trên đây là Báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp 7 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 5 tháng cuối năm 2023 của UBND huyện Krông Nô/.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Huyện uỷ;
- CT, CPCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND&UBND;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các xã, thị trấn.
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Đăng Ánh

PHỤ LỤC I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn 7 tháng đầu năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	TH đến 31/7/2023	UTH năm 2023
1	Giá trị sản xuất (theo giá HH)	Tỷ đồng	5.849	1.600	5.849
2	Tổng diện tích gieo trồng	ha	62.026	57.927	62.026
3	Tổng sản lượng lương thực	Tấn	136.846	21.966	138.145
4	Giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác	Tr.đồng	90		90
5	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng	ha		300	300
6	Diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến (CNC)	ha		1.561	1.561
7	Vùng lúa UD CNC	Ha		1.327	1.327
8	Vùng ngô UD CNC	ha		468	468
9	Vùng cà phê UD CNC	ha		340	340
10	Tổng DT chủ động tưới	ha	20.507	20.051	20.051
11	Tỷ lệ đáp ứng DT có nhu cầu tưới	%	73	73	73
12	Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98	97	98
13	Tổng đàn gia súc	con	160.000	114.000	160.000
14	Tổng đàn gia cầm	con	600.000	415.000	600.000
15	DT nuôi trồng thủy sản	ha	330	340	340
16	Phát triển rừng	ha	970	785,4	970
17	Trồng cây xanh, cây phân tán	cây	94.495	5.901	94.495
18	Tỷ lệ che phủ rừng	%	36,5	35,1	35,1
19	Cháy rừng			02 vụ	
20	Phá rừng			01 vụ/0,04ha	
21	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	Xã	5	3	4
22	Số TC bình quân mỗi xã đạt	TC	15	15,18	15,18
23	Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao	Xã	1	1	1
24	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	3	3	4
25	Sản phẩm OCOP (lũy kế)	s.phẩm	14	10	14

PHỤ LỤC 2: Kết quả sản xuất vụ Đông Xuân 2022-2023

TT	Cây trồng	Kế hoạch (ha)	Thực hiện (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Sản lượng (tấn)	So sánh ĐX 2021-2022
1	Lúa nước	2.022	2.022	6,9	13.950	DT: 77 ha SL: - 91 tấn
2	Ngô	1.406	1.560	7,4	11.466	DT: 311 ha SL: 1.903 tấn
3	Đậu các loại	87	87	1,2	104,4	DT: -2 ha SL: -2,4 tấn
4	Rau các loại	187	187	12	2.244	DT: -4 ha SL: -48 tấn
5	Khoai lang	391	270	15	4.050	DT: -342 ha SL: -5.130 tấn
6	Bí đỏ	202	170	20	3.400	DT: -47 ha SL: -940 tấn

PHỤ LỤC 3. Tiến độ sản xuất vụ Hè thu 2023

TT	Cây trồng	Kế hoạch (ha)	Thực hiện (ha)	Giai đoạn sinh trưởng
1	Lúa nước	2.576	2.576	Cây con – Đẻ nhánh
2	Lúa rẫy	25	25	Cây con
3	Ngô	10.020	9.970	Trổ cờ , phun râu, ngâm sữa
4	Sắn	2.275	2.275	Phát triển thân, lá
5	Đậu xanh	125	1.25	Phát triển quả
6	Đậu các loại	530	530	Phát triển quả
7	Rau các loại	320	232	Nhiều trà gói vụ
8	Đậu nành	140	140	Phát triển quả
9	Đậu phụng	84	84	Phát triển củ
10	Chanh dây	58	58	Chăm sóc – Thu hoạch
11	Dâu tằm	50	50	Chăm sóc – Thu hoạch
12	Dược liệu	70	70	Chăm sóc – Thu hoạch
13	Cà phê	24.434	24.434	Chăm sóc
14	Hồ tiêu	1.598,5	1.598,5	Chăm sóc
15	Điều	2.780	2.760	Chăm sóc
16	Cao su	6.795	6.795	Chăm sóc – Thu hoạch
17	Cây ăn quả	1.804	1.804	Chăm sóc – Thu hoạch
18	Ca cao	28	28	Chăm sóc
19	Mắc ca	46	42	Chăm sóc
20	Cây dổi	20	20	Chăm sóc